

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HS-ST.

Ngày: 14 - 6 - 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Kim Phước.

Ông Trà Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Hồng Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Dương Hải Đ, sinh ngày 01/01/1983; nơi sinh: Tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Ấp P1, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn K, sinh năm 1955 (sống) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956 (chết); gia đình bị cáo có 06 anh em, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/3/2022 cho đến nay (Có mặt).

- Bị hại: Ông Võ Văn C, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp P2, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Văn N, sinh năm 1987; nơi cư trú: quốc lộ A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

Ông Kim H, sinh năm 1992; nơi cư trú: đường T, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

Ông Dương Văn K, sinh năm 1955; nơi cư trú: Ấp P1, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Ông Ngô Văn M, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp P2, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Ông Nguyễn T K, sinh năm 1992; nơi cư trú: Ấp P1, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo là người không có nghề nghiệp và có sử dụng ma túy. Vào sáng ngày 23/12/2021, Bị cáo đi bộ đến quán của ông Lê Ngọc Thành, sinh năm 1981 tại ấp P1, xã P, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng để uống cà phê. Tại đây, bị cáo gặp Võ Văn C, Nguyễn T Kiệt, Ngô Văn Mười nên mọi người rủ nhau tổ chức uống rượu. Khi uống rượu được một lúc thì bị cáo đau bụng nên mượn xe mô tô nhãn hiệu Wave RS, màu xanh đen bạc, biển số 83H9-9508 của C để đi vệ sinh ở khu vực cầu cá gần đó thì C đồng ý. Khi bị cáo đi vệ sinh xong thì Kiệt cũng đi đến để vệ sinh. Thấy vậy, bị cáo đi bộ về nhà ông Thành trước, để xe lại cho Kiệt chạy về sau. Sau đó, Kiệt chạy xe của C về dựng trên lộ đtal trước cổng rào nhà ông Thành và tiếp tục uống rượu. Khi uống được vài ly rượu thì bị cáo tiếp tục đau bụng và mượn xe của C để đi vệ sinh tiếp. Lúc này, C giao chìa khóa xe cho bị cáo và bị cáo chạy xe của C đi vệ sinh. Một lúc sau. Bị cáo nảy sinh ý định đi thành phố Sóc Trăng để mua ma túy sử dụng nên đã điều khiển xe mô tô biển số 83H9-9508 về nhà lấy nón bảo hiểm rồi chạy đi đến thành phố Sóc Trăng. Trên đường đi, bị cáo ghé vào đổ xăng tại một cây xăng trên địa bàn huyện Long Phú (không nhớ rõ tên, địa chỉ cây xăng). Trong lúc đổ xăng, Bị cáo phát hiện trong cốp xe có giấy tờ xe nên tiếp tục điều khiển xe đến nhà trọ số 195/43, hẻm 195, đường Trương Công Định, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng để gặp Kim H (bạn của bị cáo Đ). Tại đây, bị cáo đưa cho Kim H 200.000 đồng để mua ma túy về sử dụng và cả hai đã sử dụng hết số ma túy. Lúc này, bị cáo không muốn về nhà và muốn có tiền sử dụng ma túy nên đã cầm xe mô tô biển số 83H9-9508 cho Thạch Thanh T với số tiền 5.000.000 đồng thì T đồng ý. Sau khi có tiền bị cáo tiếp tục thuê nhà trọ rồi mua ma túy để sử dụng và tiêu xài hết số tiền trên. Sau khi hết tiền, bị cáo tiếp tục gặp ông T để lấy thêm tiền cầm xe nhưng ông T không đồng ý nên bị cáo đi đến cửa hàng xe máy Huyền Nhí tại số 429, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng do Dương Văn N để bán xe mô tô biển số 83H9-9508 với giá 7.500.000 đồng, bị cáo lấy 5.000.000 đồng trả cho ông T, số tiền còn lại bị cáo tiếp tục mua ma túy sử dụng và tiêu xài hết; còn Nhí sau khi mua xe của bị cáo đã tiến hành sửa chữa một số phụ tùng của xe đã hư hỏng với giá 1.800.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL.HĐĐGTS ngày 24/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Long Phú kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RS, màu xanh đen bạc, biển số 83H9-9508, số máy HC12E0513152, số khung 12228Y504741 đã qua sử dụng tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị 8.000.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 13/CT-VKS-LP ngày 19/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo về tội Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 12 tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét; Trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Văn N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.500.000 đồng và bị hại bồi hoàn số tiền sửa xe là 1.800.000 đồng đối chiếu Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48, Điều 584, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 ghi nhận sự tự nguyện của Bị cáo bồi thường số tiền 7.500.000 đồng và ghi nhận tự nguyện của bị hại bồi hoàn số tiền sửa xe là 1.800.000 đồng; Về xử lý vật chứng: Đã trả lại cho bị hại nên đề nghị không đặt ra xem xét.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Kết luận định giá tài sản số 04/KL.HĐĐGTS ngày 24/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Long Phú. Bị cáo đồng ý bồi thường cho ông Nhí 7.500.000 đồng. Tại lời nói sau cùng bị cáo không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa bị hại Võ Văn C không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Kết luận định giá tài sản số 04/KL.HĐĐGTS ngày 24/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Long Phú; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường và đồng ý hoàn trả cho ông Nhí 1.800.000 đồng tiền sửa xe.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.500.000 đồng và bị hại bồi hoàn số tiền sửa xe là 1.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Long Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn N; người làm chứng ông Kim H, ông Nguyễn T Kiệt. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, ông Dương Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt và

tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, bị hại C không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ vào Điều 292, 293 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai rõ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan Điều tra, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Kết luận định giá tài sản số 04/KL.HĐĐGTS ngày 24/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Long Phú, hiện trường vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cụ thể: Do thường xuyên sử dụng ma túy nhưng không có tiền nên vào ngày 23/12/2021, sau khi mượn xe mô tô 83H9-9508 của Võ Văn C để đi vệ sinh và được C đồng ý giao tài sản, sau khi được giao tài sản bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt cụ thể lấy xe 83H9-9508 cầm cho Thạch Thanh T với số tiền 5.000.000 đồng rồi tiếp tục bán cho Dương Văn N với số tiền 7.500.000 đồng để mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết số tiền và không có khả năng trả lại tài sản. Tại thời điểm bị cáo chiếm đoạt, tài sản có giá trị 8.000.000 đồng. Hành vi mà Bị cáo đã thực hiện phạm vào Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Do đó, cáo trạng số 13/CT-VKS-LP ngày 19/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố Bị cáo về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 201) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện với ý thức là cố ý. Bị cáo biết khi được bị hại giao tài sản bằng hình thức cho mượn nhưng bị cáo không trả mà nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại trị giá là 8.000.000 đồng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị hại và luôn được pháp luật bảo vệ trước mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật nhưng chỉ muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo có hành vi chiếm đoạt tài sản trên.

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân một cách trái pháp luật; đồng thời hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Cho nên, đối với bị cáo cần phải có mức hình phạt thật nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian để bị cáo có thời gian tâm đắc sửa chữa lỗi lầm, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích, góp phần phòng chống tội phạm chung cho toàn xã hội.

Để có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo nên Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có nhân thân tốt thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn

khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Phú đã trả lại: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RS, màu xanh đen bạc, biển số 83H9-9508, số máy HC12E0513152, số khung 12228Y504741 và 01 giấy Đ ký xe mô tô, xe máy số 007874, biển số Đ ký 83H9-9508 xác định là vật chứng trong vụ án và thuộc sở hữu của Võ Văn C, việc trả lại tài sản không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Phú đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn N yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông số tiền là 7.500.000 đồng; yêu cầu bị hại phải bồi hoàn 1.800.000 đồng tiền sửa xe đổi chiều Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48, Điều 584, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường cho ông Dương Văn N số tiền 7.500.000 đồng và ghi nhận tự nguyện của bị hại bồi hoàn cho ông Dương Văn N số tiền sửa xe là 1.800.000 đồng.

[8] Đối với Kim H có cho bị cáo ở lại nhà trọ cùng với xe 83H9-9508; Dương Văn N có mua xe 83H9-9508 do Bị cáo bán nhưng không biết xe bị cáo có được là do phạm tội mà có nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[9] Đối với Thạch Thanh T có nhận cầm 83H9-9508. Qua quá trình điều tra, T không có mặt ở địa phương. Tuy nhiên, qua quá trình điều tra bị cáo khai khi cầm xe cho T, bị cáo không nói xe do bị cáo chiếm đoạt mà có, do đó việc không làm việc được với T không làm thay đổi bản chất vụ án và cơ quan điều tra không bị truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[10] Đối với bị cáo và Kim H có sử dụng ma túy tại nhà trọ của Hùng nhưng cả hai đã sử dụng hết, không thu giữ được chất ma túy và khi test ma túy bị cáo âm tính nên không có căn cứ để xử lý; Đối với người bán ma túy cho Hùng do không rõ họ tên địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, c, f khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[12] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, về hình phạt, việc áp dụng pháp luật, xử lý vật chứng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Dương Hải Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175; khoản 1 Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Hải Đ 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/3/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48, Điều 584, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện bị cáo Dương Hải Đ bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn N số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại Võ Văn C có trách nhiệm hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn N số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, c, f khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Dương Hải Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị hại Võ Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo; bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; NLQ
- VKSND huyện Long Phú;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- CQĐT CA huyện Long Phú;
- Tổ hồ sơ nghiệp vụ CA huyện;
- Cơ quan THAHS CA huyện Long Phú;
- Nhà tạm giữ CA huyện Long Phú;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thanh Hoa